

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

*Căn cứ Luật Sửa đổi một số điều của 15 luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và
Môi trường số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;*

*Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra
số 167/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; Công văn số 285/BC-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc
phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa
bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP
của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở sản xuất là cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp
hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang Nhân dân (không bao

gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

c) Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật là người trực tiếp tham gia nhiệm vụ phòng, chống một hoặc một số bệnh động vật theo phân công, huy động của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trên cơ sở tính chất, quy mô dịch bệnh để thực hiện một hoặc nhiều hoạt động: Thống kê; xác nhận thiệt hại do dịch bệnh động vật; xử lý ổ dịch; lấy mẫu; mổ khám, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật; điều tra, xác minh dịch bệnh động vật; bắt, giữ, vận chuyển, tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật; tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng để phòng, chống dịch bệnh động vật; trực tổ, chốt, trạm để kiểm soát dịch bệnh động vật.

d) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật

1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn:

- a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi;
- b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi;
- c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi;
- d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu: 35.000 đồng/kg hơi;
- đ) Chim cút: 20.000 đồng/kg hơi;
- e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi;
- g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút, đà điểu): 20.000 đồng/kg.

2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản:

- a) Tôm hùm giống: 10.000 đồng/con;
- b) Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm sú) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con;
- c) Cá giống (cá biển, cá tra, cá truyền thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg;
- d) Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha;
- đ) Diện tích nuôi tôm sú (bán thâm canh, thâm canh): 12.000.000 đồng/ha;

e) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²); 30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²);

g) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha;

h) Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha;

i) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha;

k) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg;

l) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg;

m) Hải sản nuôi lồng, bè: 10.000 đồng/kg.

3. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa: Mức hỗ trợ bằng 0,5 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này.

4. Đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật:

a) Người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

b) Người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, tết.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách nhà nước, bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương;

2. Đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước, tổ chức quốc tế và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Các nội dung không quy định tại nghị quyết này được thực hiện theo Nghị định số 116/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật xảy ra (không bao gồm đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp nhỏ và vừa), hồ sơ đề nghị hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền tiếp nhận nhưng chưa thực hiện hỗ trợ kể từ ngày Nghị định số 116/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đảng ủy HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh, UBND TTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện KSND, TAND tỉnh, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An